

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2009/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ**hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ,
dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước**

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc đánh giá nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước có sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định việc đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý vi phạm đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển

công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước, Dự án khoa học và công nghệ và nhiệm vụ độc lập cấp nhà nước (sau đây gọi chung là đề tài, dự án).

Đối với các đề tài, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học xã hội việc đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý vi phạm được quy định tại văn bản riêng.

2. Việc đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án có liên quan đến bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng và một số nhiệm vụ đặc biệt cấp bách, nhạy cảm được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án (sau đây gọi tắt là đánh giá) quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

2. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN, các đơn vị chức năng thuộc các cơ quan chủ quản quản lý Dự án KH&CN.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá đề tài, dự án phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Căn cứ vào hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây viết tắt là hợp đồng) đã được ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại Thông tư này.

2. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác.

3. Tiến hành đúng quy trình, thủ tục quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Phương thức đánh giá

Việc đánh giá được thực hiện theo hai cấp gồm đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây viết tắt là đánh giá cấp cơ sở) và đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước (sau đây viết tắt là đánh giá cấp nhà nước) cụ thể như sau:

1. Đánh giá cấp cơ sở

Đánh giá cấp cơ sở chỉ thực hiện đánh giá kết quả đề tài, dự án thông qua hội

đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây viết tắt là hội đồng đánh giá cấp cơ sở) do tổ chức chủ trì đề tài, dự án thực hiện.

2. Đánh giá cấp nhà nước

Đánh giá cấp nhà nước bao gồm đánh giá kết quả đề tài, dự án và đánh giá việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án:

a) Đánh giá kết quả đề tài, dự án được thực hiện thông qua hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước (sau đây viết tắt là hội đồng đánh giá cấp nhà nước);

Đánh giá kết quả đề tài, dự án ở cấp nhà nước chỉ thực hiện đối với các đề tài, dự án được hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại “Đạt”;

Đối với các đề tài, dự án có kết quả nghiên cứu là các sản phẩm có thể đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính...), thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ còn được thẩm định bởi tổ chuyên gia trước khi hội đồng họp phiên đánh giá cấp nhà nước.

b) Đánh giá việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án được giao cho:

- Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước thực hiện đối với các đề tài, dự án thuộc Chương trình

KH&CN trọng điểm cấp nhà nước (sau đây gọi tắt là chương trình);

- Các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước thực hiện đối với các đề tài, dự án thuộc chương trình do thành viên Ban chủ nhiệm chương trình làm chủ nhiệm;

- Các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản thực hiện đối với các đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước;

- Các đơn vị chức năng thuộc các cơ quan chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN thực hiện đối với các đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN.

Các đơn vị được giao đánh giá quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được gọi chung là Tổ chức đánh giá cấp nhà nước.

Điều 5. Kinh phí tổ chức đánh giá

1. Kinh phí đánh giá cấp cơ sở được lấy từ kinh phí thực hiện đề tài, dự án.

2. Kinh phí đánh giá đề tài, dự án cấp nhà nước được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học hàng năm của Bộ KH&CN hoặc cơ quan chủ quản.

3. Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của đề tài, dự án theo yêu cầu của hội đồng các cấp do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án tự trang trải.

Chương II

ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ

Điều 6. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở

Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở bao gồm các tài liệu sau:

1. Báo cáo tổng hợp kết quả của đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-1 kèm theo Thông tư này); sản phẩm KH&CN của đề tài, dự án với số lượng và chất lượng theo hợp đồng.

2. Nhận xét về tổ chức thực hiện của tổ chức chủ trì đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-2 kèm theo Thông tư này).

3. Hợp đồng và thuyết minh đề tài, dự án kèm theo.

4. Tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá, thử nghiệm các sản phẩm của đề tài, dự án do các tổ chức có thẩm quyền (phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm đo lường, trung tâm giám định kỹ thuật,...) thực hiện. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (nếu có).

5. Biên bản kiểm tra định kỳ tình hình triển khai thực hiện đề tài, dự án của Ban chủ nhiệm chương trình, cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN.

6. Báo cáo quyết toán tài chính của đề tài, dự án.

7. Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị...), các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài, dự án.

Điều 7. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá cấp cơ sở

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn của đề tài, dự án ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có), chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp cho tổ chức chủ trì 10 bộ (bản sao) hồ sơ đánh giá cấp cơ sở gồm:

a) 04 bộ hồ sơ quy định tại Điều 6 Thông tư này để gửi tới chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và lưu tại tổ chức chủ trì phục vụ phiên họp hội đồng;

b) 06 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 Thông tư này để gửi tới các ủy viên còn lại.

2. Tổ chức chủ trì kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Hồ sơ hợp lệ được gửi tới từng thành viên hội đồng trước phiên họp ít nhất 07 ngày.

3. Việc tổ chức đánh giá cấp cơ sở phải được thực hiện và hoàn thành trước thời điểm kết thúc thực hiện đề tài, dự án

được ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có).

Điều 8. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm tư vấn giúp thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài, dự án trong việc đánh giá kết quả đề tài, dự án so với hợp đồng và các văn bản thỏa thuận, điều chỉnh (nếu có).

2. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở do thủ trưởng tổ chức chủ trì quyết định thành lập, có từ 07 đến 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên hội đồng. Số người của Tổ chức chủ trì đề tài, dự án tham gia hội đồng không quá 1/2 tổng số thành viên hội đồng.

Tổ chức chủ trì đề tài, dự án cử người làm thư ký khoa học và có thể cử 01 người làm ủy viên phản biện.

Chủ nhiệm đề tài, dự án và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án không được làm thành viên của hội đồng.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở:

a) Có chuyên môn về KH&CN, kinh tế, quản lý phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b) Là chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia hội đồng đánh giá với

tinh thần trách nhiệm cao, trung thực và khách quan;

c) Chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện ngoài các điều kiện trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn, có trình độ khoa học từ tiến sỹ hoặc có chức danh khoa học từ phó giáo sư trở lên và có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án được công bố trong 05 năm gần nhất.

Trường hợp đặc biệt do thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài, dự án quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá cấp cơ sở, nhận xét đánh giá kết quả đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-3 hoặc Phụ lục 1-4 tương ứng, kèm theo Thông tư này); gửi phiếu nhận xét cho tổ chức chủ trì trước phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá;

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài, dự án trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Trong trường hợp cần thiết yêu cầu chủ nhiệm và tổ chức chủ trì đề tài, dự án cung cấp các tài liệu của đề tài, dự án để phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch hội đồng phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài, dự án quyết định tổ chức và chủ trì các phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-10 kèm theo Thông tư này);

b) Phó chủ tịch hội đồng điều hành hội đồng trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt;

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án; gửi phiếu nhận xét đề tài, dự án cho tổ chức chủ trì chậm nhất 02 ngày trước phiên họp của hội đồng;

d) Thư ký khoa học giúp chủ tịch hội đồng kiểm tra, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho phiên họp hội đồng; gửi bản sao phiếu nhận xét của các ủy viên phản biện tới chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên trước phiên họp

hội đồng; ghi chép các ý kiến thảo luận, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp cơ sở theo quy định.

Điều 10. Phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành phần chính tham dự phiên họp của hội đồng bao gồm thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở, đại diện tổ chức chủ trì đề tài, dự án, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan thuộc Bộ KH&CN và đại diện Ban chủ nhiệm chương trình (đối với đề tài, dự án thuộc chương trình).

2. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của hội đồng, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và phải có mặt đủ các ủy viên phản biện.

3. Chủ nhiệm đề tài, dự án được tham dự và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện đề tài, dự án tại phiên họp của hội đồng.

4. Quy trình làm việc của hội đồng:

a) Thư ký khoa học đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Đại diện tổ chức chủ trì nêu những nội dung và yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá nghiệm thu;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Chủ nhiệm đề tài, dự án báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;

- Các ủy viên phản biện đọc phiếu nhận xét đánh giá đề tài, dự án;

- Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo;

- Thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài, dự án về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài, dự án;

- Chủ nhiệm đề tài, dự án trả lời các câu hỏi của hội đồng;

- Hội đồng thảo luận kín và tiến hành đánh giá đối với đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-5 hoặc Phụ lục 1-6 tương ứng, kèm theo Thông tư này);

- Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bỏ phiếu: Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên, trong đó có một trưởng ban; phiếu hợp lệ là phiếu đánh giá ở một trong hai mức “Đạt” hoặc “Không đạt”;

- Trưởng ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu đối với đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-7 kèm theo Thông tư này);

- Chủ tịch hội đồng dự thảo kết luận đánh giá, trong đó cần nêu rõ, cụ thể những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung

để hoàn thiện đối với đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-8 hoặc Phụ lục 1-9 tương ứng kèm theo Thông tư này);

- Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận; trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng để Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản xem xét xử lý theo quy định hiện hành;

- Hội đồng thông qua biên bản.

Điều 11. Nội dung đánh giá cấp cơ sở và xếp loại đề tài, dự án

1. Nội dung đánh giá kết quả đề tài:

a) Sự phù hợp của phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và độ tin cậy của trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế;

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo hợp đồng;

c) Mức chất lượng (mức độ ổn định và khả năng lặp lại của kết quả đạt được) và yêu cầu khoa học, công nghệ đạt được của các sản phẩm chính;

d) Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp kết quả đề

tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...).

2. Nội dung đánh giá kết quả dự án:

a) Tổ chức triển khai dự án;

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án;

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính của dự án;

d) Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...).

3. Xếp loại đề tài, dự án:

Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại đề tài, dự án vào một trong hai mức “Đạt” hoặc “Không đạt” cụ thể như sau:

a) Mức “Đạt” nếu đề tài, dự án được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá đã hoàn thành cơ bản các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này đối với đề tài hoặc các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này đối với dự án.

Đề tài, dự án xếp loại ở mức “Đạt” sẽ được đánh giá cấp nhà nước;

b) Mức “Không đạt” nếu đề tài, dự án không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 12. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với đề tài, dự án được hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng.

Tổ chức chủ trì phối hợp với chủ tịch hội đồng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ để chuẩn bị cho đánh giá cấp nhà nước.

2. Trường hợp kết quả đề tài, dự án xếp loại ở mức “Không đạt”, có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu nhưng không quá 06 tháng theo quy định sau:

a) Đề được xem xét gia hạn, đề tài, dự án phải được hội đồng đánh giá kiến nghị gia hạn và tổ chức chủ trì, chủ nhiệm phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp cơ sở và phương án xử lý) thông qua ban chủ nhiệm chương trình (đối với các đề tài, dự án thuộc chương trình) trình Bộ KH&CN hoặc cơ quan chủ quản;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Bộ KH&CN xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với

đề tài, dự án thuộc chương trình và đề tài, dự án độc lập. Cơ quan chủ quản thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ KH&CN;

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Thông tư này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

3. Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “Không đạt”.

4. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm lưu giữ bản gốc hồ sơ đánh giá cấp cơ sở của đề tài, dự án nêu tại Điều 6 Thông tư này.

Chương III

ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 13. Hồ sơ đánh giá cấp nhà nước

Hồ sơ đánh giá cấp nhà nước của đề tài, dự án gồm các tài liệu sau:

1. Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì đề tài, dự án gửi Tổ chức đánh giá cấp nhà nước (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-1 kèm theo Thông tư này).

2. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở nêu tại Điều 6 đã được bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

3. Quyết định thành lập hội đồng và biên bản đánh giá cấp cơ sở.

4. Văn bản xác nhận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-2 kèm theo Thông tư này).

5. Báo cáo giải trình các nội dung đã được bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở có xác nhận của thủ trưởng tổ chức chủ trì và chủ tịch hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

6. Đánh giá về tổ chức thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-3 kèm theo Thông tư này).

Điều 14. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá cấp nhà nước

1. Trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở, chủ nhiệm, tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm nộp 13 bộ (bản sao) hồ sơ đánh giá cấp nhà nước cho Tổ chức đánh giá cấp nhà nước gồm:

a) 05 bộ hồ sơ theo quy định nêu tại Điều 13 Thông tư này để gửi tới chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện, thành viên

tổ chuyên gia và lưu tại Tổ chức đánh giá cấp nhà nước phục vụ phiên họp của hội đồng;

b) 08 bộ hồ sơ gồm các tài liệu quy định nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 đã được hoàn thiện sau đánh giá cấp cơ sở và khoản 3, 4, 5, 6 Điều 13 Thông tư này để gửi tới các ủy viên còn lại của hội đồng.

2. Tổ chức đánh giá cấp nhà nước kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định hoặc yêu cầu chủ nhiệm, tổ chức chủ trì đề tài, dự án bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (trường hợp cần thiết).

Thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ được ghi trên giấy biên nhận hồ sơ (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-4 kèm theo Thông tư này).

3. Hồ sơ hợp lệ được Tổ chức đánh giá cấp nhà nước gửi đến từng thành viên hội đồng trước phiên họp trừ bị ít nhất 07 ngày.

4. Việc tổ chức đánh giá cấp nhà nước phải được thực hiện và hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ.

Điều 15. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước và tổ chuyên gia

1. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước có trách nhiệm tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ KH&CN, Thủ trưởng cơ quan chủ

quản đánh giá kết quả đề tài, dự án theo quy định.

2. Tổ chuyên gia (thành lập trong trường hợp đề tài, dự án có sản phẩm đo kiểm được) có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài, dự án theo yêu cầu của hội đồng.

3. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước và Tổ chuyên gia do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Ban chủ nhiệm chương trình thông qua Văn phòng các chương trình đối với đề tài, dự án thuộc chương trình hoặc của các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN đối với đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước và đề tài, dự án thuộc chương trình do các thành viên Ban chủ nhiệm chương trình làm chủ nhiệm.

Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cấp nhà nước và Tổ chuyên gia đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN.

4. Yêu cầu đối với các thành viên hội đồng đánh giá cấp nhà nước:

a) Có chuyên môn về KH&CN, kinh tế, quản lý phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b) Là các chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia hội đồng đánh giá với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan;

c) Chủ tịch và ủy viên phản biện hội đồng ngoài các yêu cầu trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn, có trình độ khoa học từ Tiến sỹ hoặc có chức danh khoa học từ Phó giáo sư trở lên và trong 05 năm gần đây có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án được công bố.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ KH&CN, thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định.

5. Ngoài các yêu cầu quy định nêu tại khoản 4 Điều này, thành viên hội đồng còn phải tuân thủ các điều kiện sau:

a) Thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở có thể tham gia hội đồng đánh giá cấp nhà nước nhưng không quá ba (03) thành viên, trong đó chủ tịch, ủy viên phản biện của hội đồng đánh giá cấp cơ sở không được làm chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của hội đồng đánh giá cấp nhà nước;

b) Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án không được làm thành viên hội đồng đánh giá đề tài, dự án đó;

c) Chủ nhiệm đề tài, dự án khác thuộc cùng chương trình được tham gia hội đồng đánh giá cấp nhà nước nhưng không quá 02 thành viên và không làm chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện;

d) Ban chủ nhiệm chương trình có thể tham gia hội đồng đánh giá cấp nhà nước đối với các đề tài, dự án thuộc cùng chương trình nhưng không quá 01 thành viên và không làm chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng hoặc ủy viên phản biện.

6. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước có từ 09 đến 11 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên hội đồng, trong đó:

a) 2/3 thành viên là các chuyên gia KH&CN có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b) 1/3 thành viên là các chuyên gia về kinh tế, quản lý đại diện cho các tổ chức sản xuất - kinh doanh có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án, cơ quan quản lý và các tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

7. Tổ chuyên gia có từ 03 đến 05 thành viên gồm các thành viên của hội đồng và các chuyên gia ngoài hội đồng (nếu cần thiết) do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

Thành viên tổ chuyên gia phải là các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn khoa học công nghệ, có trình độ khoa học từ Tiến sỹ hoặc có chức danh khoa học từ Phó giáo sư trở lên và có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án được công bố trong 05 năm gần đây.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ KH&CN, Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định.

8. Các chuyên gia, đặc biệt là các ủy viên phản biện của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án được ưu tiên mời tham gia hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời 01 chuyên gia đang công tác tại cơ quan chủ trì đề tài, dự án làm ủy viên hội đồng.

9. Giúp việc hội đồng có 02 thư ký hành chính là thư ký của chương trình và nhân viên của Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước (đối với đề tài thuộc chương trình), chuyên viên các đơn vị chức năng thuộc cơ quan chủ quản (đối với đề tài, dự án thuộc dự án KH&CN) hoặc chuyên viên vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN (đối với các đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước và đề tài, dự án do thành viên ban chủ nhiệm chương trình làm chủ nhiệm).

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên hội đồng và tổ chuyên gia

1. Thành viên hội đồng đánh giá cấp nhà nước có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá cấp nhà nước, nhận xét kết quả đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-5 hoặc Phụ lục 2-6 tương ứng kèm theo Thông tư này); gửi phiếu nhận xét

tới Tổ chức đánh giá cấp nhà nước để tổ chức phiên họp đánh giá;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá;

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài, dự án trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Yêu cầu Tổ chức đánh giá cấp nhà nước, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng nêu tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch hội đồng phối hợp với Tổ chức đánh giá cấp nhà nước quyết định thời gian họp và chủ trì các phiên họp của hội đồng đánh giá cấp nhà nước; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp nhà nước (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-14 kèm theo Thông tư này);

b) Phó chủ tịch hội đồng điều hành hội đồng trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt;

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc kết

quả nghiên cứu của đề tài, dự án và gửi phiếu nhận xét đề tài, dự án cho Tổ chức đánh giá cấp nhà nước 02 ngày trước phiên họp đánh giá của hội đồng;

d) Thư ký khoa học giúp chủ tịch hội đồng ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp nhà nước theo ý kiến kết luận tại phiên họp đánh giá của hội đồng.

3. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia:

a) Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm khoa học công nghệ (mẫu sản phẩm, mô hình, bản vẽ thiết kế, báo cáo thử nghiệm, ứng dụng, các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm của đề tài, dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận... theo Phụ lục 2-7A kèm theo Thông tư này);

b) Khảo sát tại hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết);

c) Lập báo cáo thẩm định (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-7B kèm theo Thông tư này) và gửi Tổ chức đánh giá cấp nhà nước 02 ngày trước phiên họp đánh giá của hội đồng.

4. Thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ tài liệu và các điều kiện cần thiết theo quy định phục vụ các phiên họp của hội đồng.

Điều 17. Phiên họp của hội đồng đánh giá cấp nhà nước

1. Thành phần chính tham dự các phiên họp của hội đồng đánh giá cấp nhà nước bao gồm thành viên hội đồng đánh giá, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan thuộc Bộ KH&CN và đại diện Ban chủ nhiệm chương trình đối với đề tài, dự án thuộc chương trình.

2. Phiên họp của hội đồng được tổ chức thành hai phiên gồm phiên họp trụ bị và phiên họp đánh giá. Phiên họp họp lệ của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và có đủ các ủy viên phản biện.

Phiên họp đánh giá được tổ chức sau khi các thành viên hội đồng nhận được báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiếu nhận xét đề tài, dự án của các ủy viên phản biện.

Chủ nhiệm đề tài, dự án được tham dự và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện đề tài, dự án tại phiên họp trụ bị của hội đồng.

3. Phiên họp trụ bị gồm các nội dung sau:

a) Thư ký hành chính đọc Quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Đại diện Tổ chức đánh giá cấp nhà nước nêu những nội dung và yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá nghiệm thu nêu tại Thông tư này;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Hội đồng bầu thư ký khoa học;
- Chủ nhiệm đề tài, dự án trình bày tóm tắt kết quả khoa học công nghệ;
- Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài, dự án về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài, dự án;
- Chủ nhiệm đề tài, dự án trả lời các câu hỏi của hội đồng;
- Tổ trưởng tổ chuyên gia trình bày về kế hoạch và nội dung thẩm định;
- Hội đồng trao đổi, thống nhất về các thông số kỹ thuật cần đo đạc, kiểm định lại đồng thời đề nghị Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện (nếu cần thiết); thống nhất kế hoạch, thời gian làm việc của tổ chuyên gia và phiên họp đánh giá.

4. Phiên họp đánh giá

Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp đánh giá theo trình tự sau:

- Tổ trưởng tổ chuyên gia đọc báo cáo kết quả thẩm định đối với đề tài, dự án;

- Ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với đề tài, dự án;

- Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo;

- Các thành viên hội đồng nêu ý kiến trao đổi với các thành viên của tổ chuyên gia và ủy viên phản biện về kết quả đề tài, dự án;

- Hội đồng thảo luận kín; các thành viên hội đồng chấm điểm, đánh giá xếp loại đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-8 hoặc Phụ lục 2-9 tương ứng kèm theo Thông tư này);

- Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên thuộc hội đồng, trong đó có một trưởng ban. Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả đề tài, dự án;

- Ban kiểm phiếu lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm phiếu (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-10 hoặc Phụ lục 2-11 tương ứng kèm theo Thông tư này);

- Chủ tịch hội đồng dự thảo kết luận đánh giá (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-12 hoặc 2-13 tương ứng kèm theo Thông tư này). Trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng đề Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản xem xét xử lý theo quy định hiện hành;

- Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản;

- Đại diện các cơ quan quản lý phát biểu ý kiến (nếu có).

Điều 18. Nội dung, thang điểm đánh giá kết quả đối với đề tài

Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đánh giá kết quả đề tài bằng phiếu chấm điểm (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-8 kèm theo Thông tư này) với tổng số điểm tối đa là 100 điểm, cụ thể như sau:

1. Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế (điểm tối đa 15);

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm nêu tại Thuyết minh và hợp đồng (điểm tối đa 20);

3. Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính nêu tại Thuyết minh và hợp đồng (điểm tối đa 25);

4. Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn... (điểm tối đa 10);

5. Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm, ...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước (điểm tối đa 6);

6. Kết quả tham gia đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ (điểm tối đa 3);

7. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (điểm tối đa 6);

8. Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ (điểm tối đa 5);

9. Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (điểm tối đa 10).

Điều 19. Nội dung, thang điểm đánh giá kết quả đối với dự án

Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đánh giá kết quả dự án bằng phiếu chấm điểm (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-9 kèm theo Thông tư này) với tổng số điểm tối đa là 100 điểm, cụ thể như sau:

1. Tổ chức triển khai dự án (điểm tối đa 15);

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm tại Thuyết minh dự án và hợp đồng (điểm tối đa 25);

3. Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của

các sản phẩm chính so với hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất... (điểm tối đa 30);

4. Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo, các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (điểm tối đa 10);

5. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (điểm tối đa 5);

6. Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ (điểm tối đa 5);

7. Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (điểm tối đa 10).

Điều 20. Nguyên tắc chấm điểm và xếp loại kết quả đề tài, dự án

1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Việc chấm điểm đánh giá kết quả đề tài, dự án được căn cứ theo quy định tại Điều 18 Thông tư này đối với đề tài hoặc Điều 19 Thông tư này đối với dự án;

b) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa quy định cho từng nội dung đánh giá;

c) Điểm của đề tài, dự án là điểm trung bình của tổng số điểm ghi trong các phiếu đánh giá hợp lệ.

2. Xếp loại kết quả đề tài

Căn cứ vào kết quả chấm điểm đề tài, hội đồng đánh giá cấp nhà nước xếp loại đề tài thành 02 mức: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

a) Mức “Đạt” đối với đề tài được chia thành 03 loại:

- Loại “Xuất sắc”: Đề tài đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:

+ Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);

+ Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

+ Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với hợp đồng và có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

- Loại “Khá”: Đề tài đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:

+ Có ít nhất 02 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia;

+ Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản

thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).

- Loại “Trung bình”: Đề tài đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Mức “Không đạt” đối với đề tài trong trường hợp có tổng số điểm của các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm hoặc tổng số điểm đánh giá đạt dưới 60 điểm.

3. Xếp loại kết quả dự án

Căn cứ vào kết quả chấm điểm dự án, hội đồng đánh giá cấp nhà nước xếp loại dự án thành 02 mức: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

a) Mức “Đạt” đối với dự án được chia thành 03 loại sau:

- Loại “Xuất sắc”: Dự án đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt 70 điểm;

- Loại “Khá”: Dự án đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên;

- Loại “Trung bình”: Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên.

b) Mức “Không đạt” đối với dự án trong trường hợp có tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 đạt dưới 60 điểm hoặc tổng số điểm đánh giá đạt dưới 65 điểm.

Điều 21. Đánh giá về tổ chức thực hiện

Tổ chức đánh giá cấp nhà nước tiến hành đánh giá và xếp loại về tổ chức thực hiện của đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-3 kèm theo Thông tư này), cụ thể như sau:

1. Đánh giá về tổ chức thực hiện đề tài, dự án gồm:

- a) Đánh giá tiến độ thực hiện;
- b) Đánh giá về tình hình sử dụng và huy động kinh phí.

2. Xếp loại về tổ chức thực hiện của đề tài, dự án được chia thành 02 mức: “Đạt” hoặc “Không đạt”, cụ thể như sau:

- a) Mức “Đạt” khi có đủ các điều kiện:
 - Nộp hồ sơ đánh giá đúng hạn;
 - Sử dụng kinh phí và huy động nguồn vốn thực hiện đề tài, dự án đúng theo quy định hiện hành.

b) Mức “Không đạt” nếu vi phạm một trong các trường hợp:

- Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu không đúng thời gian quy định nêu tại

khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 14 Thông tư này;

- Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền) hoặc không đảm bảo nguồn vốn đối ứng theo đăng ký.

Điều 22. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp nhà nước

1. Đề tài, dự án được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt”, trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá cấp nhà nước, chủ nhiệm đề tài, dự án hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến, kết luận của hội đồng gửi Tổ chức thực hiện đánh giá cấp nhà nước.

Tổ chức thực hiện đánh giá cấp nhà nước phối hợp với chủ tịch hội đồng kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của đề tài, dự án. Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm đề tài, dự án.

2. Trường hợp kết quả đề tài, dự án xếp loại ở mức “Không đạt” nếu chưa được gia hạn trong quá trình đánh giá cấp cơ sở thì có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện nhưng không quá 6 tháng theo quy định sau:

- a) Để được xem xét gia hạn, đề tài, dự án phải được hội đồng đánh giá kiến nghị gia hạn và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp nhà

nước và phương án xử lý) thông qua ban chủ nhiệm chương trình (đối với các đề tài, dự án thuộc chương trình) trình Bộ KH&CN hoặc cơ quan chủ quản;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Bộ KH&CN xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án thuộc chương trình và đề tài, dự án độc lập; cơ quan chủ quản xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ KH&CN;

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Thông tư này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

3. Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản căn cứ vào kết luận của hội đồng đánh giá, xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Được gia hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “Không đạt”.

4. Trường hợp đề tài, dự án có kết quả đánh giá về tổ chức thực hiện ở mức “Không đạt”, Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản căn cứ vào mức độ vi phạm tiến hành xử lý theo quy định nêu tại khoản 3 Điều 25 Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả đề tài, dự án theo Nghị định số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin KH&CN và nộp bản xác nhận đăng ký kết quả đề tài, dự án cho Văn phòng các chương trình đối với đề tài, dự án thuộc chương trình hoặc các Vụ chức năng đối với đề tài, dự án độc lập, các đơn vị chức năng thuộc cơ quan chủ quản đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN.

Chương IV

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án

Việc công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án được áp dụng đối với cả hai trường hợp được đánh giá ở mức “Đạt” và “Không đạt”.

1. Nội dung công nhận kết quả thực hiện bao gồm:

- a) Kết quả đánh giá đề tài, dự án;
- b) Kết quả việc tổ chức thực hiện.

2. Tài liệu để được công nhận bao gồm:

- a) Biên bản họp hội đồng đánh giá cấp nhà nước;

b) Bản đánh giá tổ chức thực hiện đề tài, dự án;

c) Bản xác nhận đã đăng ký, lưu giữ kết quả đề tài, dự án;

d) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá nghiệm thu (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-14 kèm theo Thông tư này).

3. Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án:

a) Ban chủ nhiệm chương trình, Văn phòng các chương trình, các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN, các đơn vị chức năng thuộc cơ quan chủ quản có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu nêu tại khoản 2 Điều này đối với các đề tài, dự án thuộc phạm vi quản lý trình Bộ KH&CN hoặc cơ quan chủ quản ra quyết định công nhận;

b) Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản có trách nhiệm xem xét ra quyết định công nhận kết quả đánh giá (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-15 kèm theo Thông tư này).

Điều 24. Thanh lý hợp đồng

1. Khi kết thúc đề tài, dự án chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì phải thực hiện nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Sau khi có quyết định công nhận kết quả đánh giá Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản thực hiện đánh giá, kiểm kê và bàn giao sản phẩm, tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài, dự án.

3. Việc thanh lý hợp đồng giữa các bên tham gia ký hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả quyết toán và kiểm kê tài sản của đề tài, dự án.

Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng được quy định cụ thể tại một văn bản khác do Bộ KH&CN ban hành.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án tùy theo trường hợp và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét và xử lý, cụ thể như sau:

a) Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản xem xét xử lý theo quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHHCN ngày 11/5/2007 của Bộ trưởng Bộ KH&CN đối với các trường hợp:

- Kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức “Không đạt” và không được chấp nhận gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả;

- Đề tài, dự án bị các cơ quan quản lý có thẩm quyền đình chỉ trong quá trình thực hiện do vi phạm các nguyên tắc quản lý;

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với dự án theo hợp đồng;

- Nộp hồ sơ đánh giá không đúng thời gian đã quy định tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

b) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý về tài chính đối với kinh phí của đề tài, dự án (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền) hoặc phát hiện hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực kết quả đánh giá mức “Đạt” sẽ bị hủy bỏ và xử lý theo mức “Không đạt” và không được làm chủ nhiệm các nhiệm vụ cấp nhà nước trong thời hạn 5 năm;

c) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký, lưu giữ kết quả đề tài, dự án sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ cấp nhà nước cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

2. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án sẽ không được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cấp nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với dự án theo hợp đồng;

b) Có từ 01 nhiệm vụ cấp nhà nước đã quá hạn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở từ 12 tháng trở lên.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định.

3. Công chức, viên chức của tổ chức chủ trì đề tài, dự án và cơ quan quản lý KH&CN vi phạm các quy định đánh giá sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

4. Thành viên hội đồng đánh giá vi phạm quy định đánh giá thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 127/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/5/2005 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN và không được mời tham gia hội đồng đánh giá trong thời hạn 03 năm kể từ khi có quyết định xử phạt.

5. Trường hợp phát hiện hội đồng vi phạm quy định đánh giá, Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản có thể yêu cầu hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại hoặc thành lập hội đồng mới để bảo đảm việc đánh giá được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại về các quyết định hành chính, kết quả đánh giá của hội đồng; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức đánh giá đề tài, dự án.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Hướng dẫn thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án cấp nhà nước.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng Thông tư này để nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định về việc đánh giá nghiệm thu các kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau

45 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 15/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp nhà nước” và Quyết định số 04/2007/QĐ-BKHCN ngày 19/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài KH&CN”.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn thực hiện./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Tiến

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Số TT	Số phụ lục	Tên phụ lục
I	Cấp cơ sở	
1	Phụ lục 1-1	Hướng dẫn báo cáo tổng hợp
2	Phụ lục 1-2	Nhận xét tổ chức thực hiện
3	Phụ lục 1-3	Phiếu nhận xét cấp cơ sở - đề tài
4	Phụ lục 1-4	Phiếu nhận xét cấp cơ sở - dự án
5	Phụ lục 1-5	Phiếu đánh giá cấp cơ sở - đề tài
6	Phụ lục 1-6	Phiếu đánh giá cấp cơ sở - dự án
7	Phụ lục 1-7	Biên bản kiểm phiếu đánh giá cấp cơ sở
8	Phụ lục 1-8	Biên bản đánh giá cấp cơ sở - đề tài
9	Phụ lục 1-9	Biên bản đánh giá cấp cơ sở - dự án
10	Phụ lục 1-10	Bản báo cáo hoàn thiện hồ sơ cấp cơ sở
II	Cấp Nhà nước	
1	Phụ lục 2-1	Mẫu đề nghị đánh giá cấp nhà nước
2	Phụ lục 2-2	Danh sách tác giả thực hiện
3	Phụ lục 2-3	Đánh giá tổ chức thực hiện
4	Phụ lục 2-4	Biên nhận Hồ sơ đánh giá cấp nhà nước
5	Phụ lục 2-5	Phiếu nhận xét cấp nhà nước - đề tài
6	Phụ lục 2-6	Phiếu nhận xét cấp nhà nước - dự án
7	Phụ lục 2-7A	Phiếu nhận xét, thẩm định sản phẩm KHCN

Số TT	Số phụ lục	Tên phụ lục
8	Phụ lục 2-7B	Báo cáo thẩm định sản phẩm KHCN
9	Phụ lục 2-8	Phiếu đánh giá cấp nhà nước - đề tài
10	Phụ lục 2-9	Phiếu đánh giá cấp nhà nước - dự án
11	Phụ lục 2-10	Kiểm phiếu đánh giá cấp nhà nước - đề tài
12	Phụ lục 2-11	Kiểm phiếu đánh giá cấp nhà nước - dự án
13	Phụ lục 2-12	Biên bản đánh giá cấp nhà nước - đề tài
14	Phụ lục 2-13	Biên bản đánh giá cấp nhà nước - dự án
15	Phụ lục 2-14	Báo cáo hoàn thiện hồ sơ cấp nhà nước
16	Phụ lục 2-15	Mẫu quyết định công nhận kết quả

PHỤ LỤC 1-1

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO TỔNG HỢP

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

HƯỚNG DẪN

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài, dự án (sau đây viết tắt là báo cáo tổng hợp) là tài liệu tổng hợp quá trình thực hiện và kết quả đạt được khi đề tài, dự án đến thời hạn kết thúc để phục vụ đánh giá nghiệm thu và sau khi được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng đánh giá cấp nhà nước được dùng để công nhận kết quả nghiên cứu, thanh lý hợp đồng và lưu trữ theo quy định.

Để thuận tiện, báo cáo tổng hợp có quy định về hình thức cơ bản như đối với các loại hình báo cáo khoa học khác và phải phản ánh được các kết quả nội dung khoa học công nghệ đã nêu trong đề cương thuyết minh đề tài, dự án, cụ thể như sau:

I. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO TỔNG HỢP

Trang bìa (xem Hình 3.2)

Trang phụ bìa (xem Hình 3.3)

Báo cáo thống kê (xem mẫu)

Mục lục

Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt

Danh mục các bảng

Danh mục các hình vẽ, đồ thị

MỞ ĐẦU

Chương 1 -

1.1.....

1.2.....

Chương 2 -

Chương... KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO TỔNG HỢP

2.1. Mở đầu:

Giới thiệu vắn tắt về sự hình thành đề tài, dự án;

Nêu mục tiêu, đối tượng, tính cấp thiết, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

Tổng quan về tình hình nghiên cứu, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài; trình độ công nghệ mà dự án cần hoàn thiện so với trong nước và quốc tế; cập nhật các thông tin đến thời điểm báo cáo; nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà đề tài, dự án cần giải quyết.

Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền).

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp).

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)

Nêu mục tiêu hoàn thiện công nghệ, quy mô và trình độ của công nghệ cần đạt được, tính khả thi và hiệu quả kinh tế của dự án.

2.2. Nội dung khoa học công nghệ đã thực hiện

Phần nội dung KHCN đã thực hiện có thể chia thành nhiều chương tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài, dự án cụ thể.

a) Đối với đề tài:

Với mỗi nội dung nghiên cứu chính, cần trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng để thực hiện các nội dung cơ bản của đề tài.

Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng của đề tài (thể hiện được độ tin cậy, tính đại diện, tính xác thực, hợp lý...). Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật đã sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra của đề tài.

Quá trình phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước. Tên các tổ chức phối hợp chính và nội dung công việc tham gia trong quá trình thực hiện đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp

về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng... (nếu có).

Quá trình hợp tác quốc tế (nếu có): tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác; hình thức thực hiện; kết quả hợp tác, tác động của việc hợp tác đối với kết quả của đề tài.

Tùy theo tính chất của từng loại hình đề tài có thể bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung cụ thể như:

Đối với nghiên cứu lý thuyết:

- Nêu rõ các nội dung nghiên cứu lý thuyết và kết quả đạt được;
- Các phương pháp nghiên cứu đã tiến hành;
- Các phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng.

Đối với công việc thí nghiệm, thực nghiệm (hoặc điều tra, khảo sát):

- Nêu luận cứ cần thiết của thí nghiệm đã tiến hành;
- Các nguyên lý hoạt động của đối tượng đã nghiên cứu;
- Các đặc điểm của đối tượng cần nghiên cứu, phát triển;
- Những tiêu chuẩn thử nghiệm và đánh giá; liệt kê những thiết bị thí nghiệm/ thử nghiệm đã sử dụng trong quá trình nghiên cứu;
- Số mẫu hoặc số lần thí nghiệm cần

thiết để thu được những kết quả nghiên cứu có độ tin cậy cao;

- Các số liệu thí nghiệm thu được và kết quả kiểm tra, đo đạc, thử nghiệm;
- Đánh giá sai số đo và tính đại diện của số liệu;
- Nhận xét và đánh giá những số liệu hoặc kết quả thí nghiệm/ thử nghiệm thu được và rút ra kết luận của từng phần nghiên cứu.

b) Đối với dự án:

Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai dự án.

Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm).

Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

Tóm tắt quá trình tổ chức sản xuất thử nghiệm như:

- Năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; hoạt động liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ và tổ chức sản xuất thử nghiệm;

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về vị trí địa lý, địa hình, cơ sở hạ tầng... của địa bàn triển khai dự án); bố trí nhà xưởng phù hợp hay chưa...;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã được sử dụng bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; tình hình cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án,...);

- Nguyên vật liệu (tình hình cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài; các dự báo về nguồn nguyên vật liệu chủ yếu...);

- Số cán bộ KH&CN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; tình hình tổ chức nhân lực; tình hình đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân);

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục).

2.3. Các kết quả đạt được

Mô tả ngắn gọn các kết quả khoa học công nghệ đã đạt được. Đánh giá về số lượng và chất lượng so với hợp đồng KH&CN và thuyết minh đã đăng ký. Nhận định các kết quả đạt được.

Phần nhận định các kết quả phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo.

a) Nêu các sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt; so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng của các sản phẩm của đề tài).

- Các sản phẩm “Dạng I”: Mẫu (model, maket); sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các loại khác.

- Các sản phẩm “Dạng II”: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác.

- Các sản phẩm “Dạng III”: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác. Tình hình công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn.

- Kết quả tham gia đào tạo trên đại học.

- Sản phẩm đã hoặc đang đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

- Hiệu quả kinh tế trực tiếp (giá trị làm lợi bằng tiền thông qua ứng dụng thử nghiệm sản phẩm vào sản xuất và đời sống);

- Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...);

- Mức độ sẵn sàng chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

b) Nêu các sản phẩm KH&CN chính của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt; phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài.

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm

nêu tại Mục 17 và Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng.

- Mức độ hoàn thiện công nghệ, dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ; chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất;

- Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; Các ấn phẩm; kết quả đào tạo cán bộ.

Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

- Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm (thông qua số lượng tổ chức, cá nhân ứng dụng thử nghiệm công nghệ thành công, quy mô sản xuất sản phẩm...).

- Hiệu quả kinh tế trực tiếp (giảm giá thành, số tiền làm lợi thu được do ứng dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện dự án...).

- Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường, quốc phòng, an ninh (tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...)

Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc. Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh

nghiệp; Nhân rộng, chuyên giao kết quả của dự án; Liên doanh, liên kết; Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; Hình thức khác (nêu rõ).

2.4. Kết luận

Trình bày những kết quả mới của đề tài, dự án một cách ngắn gọn, không có lời bàn và bình luận thêm.

2.5. Kiến nghị

Đề xuất việc sử dụng và áp dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài (có thể áp dụng ngay vào thực tiễn; cần tiếp tục hoàn thiện trên cơ sở hình thành dự án sản xuất thử nghiệm hoặc cần tiến hành những nghiên cứu tiếp theo...); kiến nghị chuyên giao các kết quả của dự án vào sản xuất ở quy mô công nghiệp, thương mại hóa sản phẩm...

2.6. Danh mục tài liệu tham khảo

Chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để nghiên cứu và bàn luận trong báo cáo.

2.7. Phụ lục

III. TRÌNH BÀY BÁO CÁO TỔNG HỢP

Báo cáo phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Tác giả cần có lời

cam đoan danh dự về công trình khoa học này của mình. Báo cáo hoàn chỉnh để lưu trữ được đóng bìa cứng, in chữ nhũ đủ dấu tiếng Việt (xem Hình 3.2), trang phụ bìa (xem Hình 3.3), báo cáo thống kê (xem mẫu).

3.1. Soạn thảo văn bản

Báo cáo được in trên giấy trắng khổ A4 (210 mm x 297 mm); áp dụng đối với văn bản được soạn thảo trên máy vi tính sử dụng chương trình soạn thảo văn bản (như Microsoft Word for Windows hoặc tương đương); phông chữ Việt Unicode (Times New Roman), cỡ chữ 14, mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

3.2. Tiểu mục

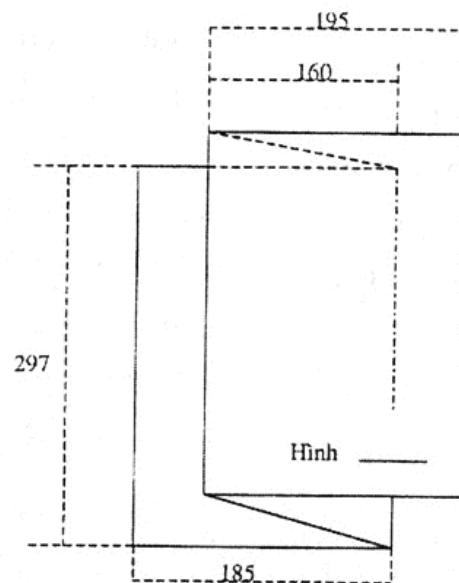
Các tiểu mục của báo cáo được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 4.1.2.1 chỉ tiểu mục 1 nhóm tiểu mục 2 mục 1 chương 4). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

3.3. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương; ví dụ Hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3. Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ “Nguồn: Bộ Tài chính 1996”. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những

trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Các bảng rộng vẫn nên trình bày theo chiều đứng dài 297 mm của trang giấy, chiều rộng của trang giấy có thể hơn 210 mm. Chú ý gấp trang giấy này như minh họa ở Hình 1 sao cho số và đầu đề của hình vẽ hoặc bảng vẫn có thể nhìn thấy ngay mà không cần mở rộng tờ giấy. Cách làm này cũng giúp để tránh bị đóng vào gáy của báo cáo phần mép gấp bên trong hoặc xén rời mất phần mép gấp bên ngoài. Tuy nhiên nên hạn chế sử dụng các bảng quá rộng.



Hình 3.1 Cách gấp trang giấy rộng hơn 210 mm

Trong mọi trường hợp, bốn lề bao quanh phần văn bản và bảng biểu vẫn như quy định tại mục 3.1 Hướng dẫn này.

Đối với những trang giấy có chiều đứng hơn 297 mm (bản đồ, bản vẽ...) thì có thể để trong một phong bì cứng dính bên trong bìa sau báo cáo.

Trong báo cáo, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản báo cáo. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ "... được nêu trong Bảng 4..." hoặc "(xem Hình 3...)" mà không được viết "... được nêu trong bảng dưới đây" hoặc "... trong đồ thị của X và Y sau".

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn báo cáo. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của báo cáo. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lẻ phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình, ví dụ (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2), (5.1.3).

3.4. Viết tắt

Không lạm dụng việc viết tắt trong báo cáo. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần. Không viết tắt những cụm từ dài, những

mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu báo cáo có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu báo cáo.

3.5. Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của báo cáo. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả. Nếu sử dụng tài liệu của người khác và của đồng tác giả (bảng biểu, hình vẽ, công thức, đồ thị, phương trình, ý tưởng...) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì báo cáo được coi là không trung thực và bị trừ điểm.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, không làm báo cáo nặng nề với những tham khảo, trích dẫn. Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những thông tin có giá trị và giúp người đọc theo được mạch viết của tác giả, không làm trở ngại việc đọc.

Nếu không có điều kiện tiếp cận được tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua

một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo.

Khi cần trích dẫn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng thì có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dẫn dài hơn thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung trang trình bày, với lề trái lùi vào thêm 2 cm, trường hợp này, mở đầu và kết thúc đoạn trích không phải sử dụng dấu ngoặc kép.

Trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, tr.314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [25], [41], [42].

3.6. Phụ lục của báo cáo

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung báo cáo như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh... Nếu báo cáo sử dụng những câu trả lời cho một bản điều tra, hỏi đáp thì bản điều tra, câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã cùng đề điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Cách tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần nêu trong

Phụ lục. Phụ lục không được dày hơn phần chính của báo cáo.

3.7. Báo cáo Tóm tắt

Báo cáo tóm tắt có tính chất thông tin nhanh, đủ để người đọc có thể nắm bắt được các đặc điểm cơ bản, tính độc đáo của đề tài/dự án. Báo cáo tóm tắt thường không quá 25 trang khổ A4. Hình thức trình bày như quy định tại mục 3.1 Hướng dẫn này.

Báo cáo tóm tắt phải đủ các thông tin cơ bản sau:

a) Mở đầu (giới thiệu vắn tắt về xuất xứ của đề tài/dự án).

b) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế (nêu sơ lược, không quá hai trang giấy);

c) Danh mục các kết quả, sản phẩm KHCN đạt được với số lượng, chủng loại và chỉ tiêu chất lượng, yêu cầu khoa học chính;

d) Tình hình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

đ) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường;

e) Kết luận (toàn văn như báo cáo chính);

f) Kiến nghị (toàn văn như báo cáo chính).

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**CƠ QUAN CHỦ QUẢN X...****CHƯƠNG TRÌNH KHCN CẤP NHÀ NƯỚC KC...
(HOẶC ĐỀ TÀI/DỰ ÁN ĐỘC LẬP CẤP NHÀ NƯỚC)****BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN
(TÊN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN)
(MÃ SỐ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN)**

Cơ quan chủ trì đề tài/dự án: Viện nghiên cứu A
Chủ nhiệm đề tài/dự án: TS. Trần Thị X

Hà Nội - 200...

09601771

Hình 3.2. Mẫu bìa báo cáo tổng hợp kết quả đề tài/dự án

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CƠ QUAN CHỦ QUẢN X...

**CHƯƠNG TRÌNH KHCN CẤP NHÀ NƯỚC KC...
(HOẶC ĐỀ TÀI/DỰ ÁN ĐỘC LẬP CẤP NHÀ NƯỚC)**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN
(TÊN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN)
(MÃ SỐ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN)**

Chủ nhiệm đề tài/dự án:

*(Ký tên)***TS. Trần Thị X**

Cơ quan chủ trì đề tài/dự án:

*(Ký tên và đóng dấu)***Nguyễn Văn Y**

Ban chủ nhiệm chương trình

*(Ký tên)***Lê Văn Z**

Bộ Khoa học và Công nghệ

*(Ký tên và đóng dấu khi gửi lưu trữ)***Nguyễn Văn G**

Hà Nội - 200...

09601771

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.LuuVienPhapLuat.com

Hình 3.3. Mẫu trang phụ bìa báo cáo tổng hợp kết quả đề tài/dự án

Mẫu Báo cáo thống kê (trang 3 Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài/dự án)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI/DỰ ÁN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

BÁO CÁO THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề tài/dự án:

Mã số đề tài, dự án:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):
- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):
- Độc lập (tên lĩnh vực KH-CN):

2. Chủ nhiệm đề tài/dự án:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:

Học hàm, học vị:

Chức danh khoa học: Chức vụ.....

Điện thoại: Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:

Fax: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

Địa chỉ nhà riêng:

3. Tổ chức chủ trì đề tài/dự án:

Tên tổ chức chủ trì đề tài:

Điện thoại: Fax:.....

E-mail:

Website:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Tên cơ quan chủ quản đề tài:

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**1. Thời gian thực hiện đề tài/dự án:**

- Theo Hợp đồng đã ký kết: từ tháng/ năm..... đến tháng / năm.....

- Thực tế thực hiện: từ tháng/năm..... đến tháng/năm

- Được gia hạn (nếu có):

- Lần 1 từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....

- Lần 2

2. Kinh phí và sử dụng kinh phí:

a) Tổng số kinh phí thực hiện: tr.đ, trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ từ SNKH: tr.đ.

+ Kinh phí từ các nguồn khác: tr.đ.

+ Tỷ lệ và kinh phí thu hồi đối với dự án (nếu có):

.....

b) Tình hình cấp và sử dụng kinh phí từ nguồn SNKH:

Số TT	Theo kế hoạch		Thực tế đạt được		Ghi chú (Số đề nghị quyết toán)
	Thời gian (Tháng, năm)	Kinh phí (Tr.đ)	Thời gian (Tháng, năm)	Kinh phí (Tr.đ)	
1					
2					
...					

c) Kết quả sử dụng kinh phí theo các khoản chi:

Đối với đề tài:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Theo kế hoạch			Thực tế đạt được		
		Tổng	SNKH	Nguồn khác	Tổng	SNKH	Nguồn khác
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)						
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng						
3	Thiết bị, máy móc						
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ						
5	Chi khác						
	Tổng cộng						

- Lý do thay đổi (nếu có):

Đối với dự án:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Theo kế hoạch			Thực tế đạt được		
		Tổng	SNKH	Nguồn khác	Tổng	SNKH	Nguồn khác
1	Thiết bị, máy móc mua mới						
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo						
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ						
4	Chi phí lao động						
5	Nguyên vật liệu, năng lượng						
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng						
7	Khác						
	Tổng cộng						

- Lý do thay đổi (nếu có):

3. Các văn bản hành chính trong quá trình thực hiện đề tài/dự án:

(Liệt kê các quyết định, văn bản của cơ quan quản lý từ công đoạn xác định nhiệm vụ, xét chọn, phê duyệt kinh phí, hợp đồng, điều chỉnh (thời gian, nội dung, kinh phí thực hiện..... nếu có); văn bản của tổ chức chủ trì đề tài, dự án (đơn, kiến nghị điều chỉnh nếu có)

Số TT	Số, thời gian ban hành văn bản	Tên văn bản	Ghi chú
1			
2			
...			

4. Tổ chức phối hợp thực hiện đề tài, dự án:

Số TT	Tên tổ chức đăng ký theo Thuyết minh	Tên tổ chức đã tham gia thực hiện	Nội dung tham gia chủ yếu	Sản phẩm chủ yếu đạt được	Ghi chú*
1					
2					
...					

- Lý do thay đổi (nếu có):

5. Cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án:

(Người tham gia thực hiện đề tài thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm)

Số TT	Tên cá nhân đăng ký theo Thuyết minh	Tên cá nhân đã tham gia thực hiện	Nội dung tham gia chính	Sản phẩm chủ yếu đạt được	Ghi chú*
1					
2					
...					

- Lý do thay đổi (nếu có):

6. Tình hình hợp tác quốc tế:

Số TT	Theo kế hoạch (Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)	Thực tế đạt được (Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)	Ghi chú*
1			
2			
...			

- Lý do thay đổi (nếu có):

7. Tình hình tổ chức hội thảo, hội nghị:

Số TT	Theo kế hoạch (Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm)	Thực tế đạt được (Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm)	Ghi chú*
1			
2			
...			

- Lý do thay đổi (nếu có):

8. Tóm tắt các nội dung, công việc chủ yếu:

(Nêu tại mục 15 của thuyết minh, không bao gồm: Hội thảo khoa học, điều tra khảo sát trong nước và nước ngoài)

Số TT	Các nội dung, công việc chủ yếu (Các mốc đánh giá chủ yếu)	Thời gian (Bắt đầu, kết thúc - tháng ... năm)		Người, cơ quan thực hiện
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**1. Sản phẩm KH&CN đã tạo ra:****a) Sản phẩm Dạng I:**

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Số lượng	Theo kế hoạch	Thực tế đạt được
1					
2					
...					

- Lý do thay đổi (nếu có):

b) Sản phẩm Dạng II:

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt		Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

c) Sản phẩm Dạng III:

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt		Số lượng, nơi công bố (Tạp chí, nhà xuất bản)
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

d) Kết quả đào tạo:

Số TT	Cấp đào tạo, Chuyên ngành đào tạo	Số lượng		Ghi chú (Thời gian kết thúc)
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1	Thạc sỹ			
2	Tiến sỹ			

- Lý do thay đổi (nếu có):

đ) Tình hình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

Số TT	Tên sản phẩm đăng ký	Kết quả		Ghi chú (Thời gian kết thúc)
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

e) Thống kê danh mục sản phẩm KHHCN đã được ứng dụng vào thực tế

Số TT	Tên kết quả đã được ứng dụng	Thời gian	Địa điểm (Ghi rõ tên, địa chỉ nơi ứng dụng)	Kết quả sơ bộ
1				
2				

2. Đánh giá về hiệu quả do đề tài, dự án mang lại:

a) Hiệu quả về khoa học và công nghệ:

(Nêu rõ danh mục công nghệ và mức độ nắm vững, làm chủ, so sánh với trình độ công nghệ so với khu vực và thế giới...)

b) Hiệu quả về kinh tế xã hội:

(Nêu rõ hiệu quả làm lợi tính bằng tiền dự kiến do đề tài, dự án tạo ra so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường...)

3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra của đề tài, dự án:

Số TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Ghi chú (Tóm tắt kết quả, kết luận chính, người chủ trì...)
I	Báo cáo định kỳ		
	Lần 1		
	...		
II	Kiểm tra định kỳ		
	Lần 1		
		
III	Nghiệm thu cơ sở		
		

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI
(Họ tên, chữ ký)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 1-2

NHẬN XÉT VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ
TÀI/DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**NHẬN XÉT VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI KHCN/DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. Thông tin chung:

1. Tên đề tài/dự án:

Mã số đề tài/dự án:

Thuộc:

- Chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước (*tên chương trình, mã số*):

- Dự án KHCN cấp nhà nước (*tên dự án KHCN, mã số*):

- Độc lập cấp nhà nước (*lĩnh vực KHCN*):

2. Tên chủ nhiệm:

3. Tên tổ chức chủ trì:

4. Tổng kinh phí thực hiện:

- Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: Tr. đ.
- Tỷ lệ và kinh phí thu hồi (đối với Dự án SXTN): ... % bằng..... Tr. đ.

5. Thời gian thực hiện:

- Bắt đầu (theo hợp đồng):
- Kết thúc (theo hợp đồng):
- Được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

6. Tài liệu kèm theo (nếu có): (văn bản gia hạn, kết luận của thanh tra, kiểm tra...)**II. Nhận xét về tổ chức thực hiện:****1. Nhận xét về Tiến độ thực hiện:**

- Thực hiện đúng hạn (nộp hồ sơ đánh giá không đúng thời gian quy định nêu tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 14 của Thông tư này).

- Không thực hiện đúng hạn (nêu rõ lý do...).

2. Nhận xét về tình hình sử dụng và huy động nguồn kinh phí thực hiện.

- Nhận xét về tình hình sử dụng kinh phí (sử dụng kinh phí đúng mục đích, không vi phạm các nguyên tắc quản lý theo quy định - căn cứ theo báo cáo đề nghị quyết toán).

- Nhận xét về tình hình huy động kinh phí theo cam kết.

3. Nhận xét, kết luận chung:

(nêu rõ ý kiến đánh giá về tổ chức thực hiện của đề tài, dự án có đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu...).

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 1-3

PHIẾU NHẬN XÉT CẤP CƠ SỞ - ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI)
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**PHIẾU NHẬN XÉT CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

Tên đề tài:

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (tên chương trình, mã số):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án, mã số):

- Độc lập cấp nhà nước (lĩnh vực KHCN):

Chủ nhiệm đề tài:

Tổ chức chủ trì đề tài:

Chuyên gia nhận xét:

Họ và tên chuyên gia:

Học vị, chức danh (nếu có):

Nhận hồ sơ đánh giá: ngày tháng năm 200

Trả hồ sơ đánh giá: ngày tháng năm 200

Nội dung nhận xét:

1. Về phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...

Nhận xét:

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng

Nhận xét:

3. Mức chất lượng (mức độ ổn định và khả năng lặp lại của kết quả đạt được) và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với mức đã đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng

Nhận xét:

4. Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô gíc)

Nhận xét:

5. Dự kiến mức xếp loại (đánh dấu \surd vào ô tương ứng):

- Đạt

- Không đạt

Trường hợp mức xếp loại “Không đạt”, những nội dung thực hiện không phù hợp với Hợp đồng gồm:

6. Ý kiến của chuyên gia về những tồn tại và đề xuất hướng giải quyết (bắt buộc):

CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 1-4

PHIẾU NHẬN XÉT CẤP CƠ SỞ - DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN)
HỘI ĐỒNG KHHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**PHIẾU NHẬN XÉT CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

Tên dự án SXTN:

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (tên chương trình, mã số):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án, mã số):

- Độc lập cấp nhà nước (lĩnh vực KHHCN):

Chủ nhiệm dự án SXTN:

Tổ chức chủ trì dự án SXTN:

Chuyên gia nhận xét:

Họ và tên chuyên gia:

Học vị, chức danh (nếu có):

Nhận hồ sơ đánh giá: ngày tháng năm 200

Trả hồ sơ đánh giá: ngày tháng năm 200

Nội dung nhận xét:

1. Tổ chức triển khai dự án (*cách thức thực hiện, sử dụng nhân lực, tài chính, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu...*)

Nhận xét:

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của Dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm tại mục 17 và Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng.

Nhận xét:

3. Mức độ hoàn thiện và ổn định công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất

Nhận xét:

4. Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô gíc)

Nhận xét:

5. Dự kiến mức xếp loại (*đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp*)

- Đạt

- Không đạt

Trường hợp mức xếp loại “Không đạt”, những nội dung thực hiện không phù hợp với Hợp đồng gồm:

6. Ý kiến của chuyên gia về những tồn tại và đề xuất hướng giải quyết (*bắt buộc*):

CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 1-5

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ - ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI)
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

Tên đề tài:

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (*tên chương trình, mã số*):
- Dự án khoa học và công nghệ (*tên dự án, mã số*):
- Độc lập cấp nhà nước (*lĩnh vực KHCN*):

Chủ nhiệm đề tài:

Tổ chức chủ trì đề tài:

Chuyên gia đánh giá:

(*Họ và tên, chức danh khoa học, học vị - nếu có*)

Nội dung đánh giá:

1. Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát...

(*đánh dấu √ vào ô tương ứng*)

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng.

(đánh dấu √ vào ô tương ứng)

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

3. Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với mức đã đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng

(đánh dấu √ vào ô tương ứng)

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

4. Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (yêu cầu đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô gíc)

(đánh dấu √ vào ô tương ứng)

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

5. Đánh giá, xếp loại chung về kết quả đề tài (*đánh dấu √ vào ô tương ứng*):

- Đạt**
- Không đạt**

6. Ý kiến khác (nếu có):

CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 1-6

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ - DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

Tên dự án SXTN:

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (*tên chương trình, mã số*):

- Dự án khoa học và công nghệ (*tên dự án, mã số*):

- Độc lập cấp nhà nước (*lĩnh vực KHCN*):

Chủ nhiệm dự án SXTN:

Tổ chức chủ trì dự án SXTN:

Chuyên gia đánh giá:

(*Họ và tên, chức danh khoa học, học vị - nếu có*)

Nội dung đánh giá:

1. Tổ chức triển khai dự án

(cách thức thực hiện, sử dụng nhân lực, tài chính, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu...)

(đánh dấu √ vào ô tương ứng):

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm (tại Mục 17 và Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng)

(đánh dấu √ vào ô tương ứng):

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

3. Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng (thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất...)

(đánh dấu √ vào ô tương ứng):

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

4. Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (yêu cầu đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô gíc)

(đánh dấu √ vào ô tương ứng):

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

5. Đánh giá xếp loại chung về kết quả dự án (đánh dấu √ vào ô tương ứng):

- Đạt**
- Không đạt**

6. Ý kiến khác (nếu có):

CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 1-7

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN) HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN/DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

1. Tên đề tài/dự án:

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (tên chương trình, mã số):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):

- Độc lập cấp nhà nước (lĩnh vực KHCN):

2. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra:

- Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu đánh giá ở mức đạt, không đạt/tổng số phiếu hợp lệ:

• Đạt:/.....

• Không đạt:/.....

3. Kết luận (đề tài/dự án được đánh giá ở mức “Đạt” khi có ít nhất 2/3 số phiếu đánh giá “Đạt” trên tổng số thành viên Hội đồng có mặt)

Đạt

Không đạt

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

(Họ, tên và chữ ký)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 1-8

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ - ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI) HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề tài:

.....

.....

Mã số:

Thuộc: - Chương trình (*tên chương trình, mã số*):

- Dự án khoa học và công nghệ (*tên dự án*):

- Độc lập cấp nhà nước (*linh vực KHCN*):

2. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá số:...../QĐ..... ngày /.... /200...
của

3. Địa điểm họp Hội đồng:.....

Thời gian họp Hội đồng: Từ, ngày.... /... /200.... đến....., ngày /... /200....

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: /.....

Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

Đại diện Bộ KH&CN:

Đại diện Ban chủ nhiệm CT KH&CN:

Đại diện Văn phòng các chương trình:

Đại diện cơ quan chủ quản:

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đánh giá cơ sở nghe các ủy viên phản biện đọc phiếu nhận xét đánh giá cơ sở kết quả đề tài.

Thư ký Hội đồng đọc phiếu nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá:

Căn cứ hồ sơ đánh giá cơ sở và các kết quả đã đạt được của đề tài, căn cứ Thông tư hướng dẫn đánh giá nghiệm thu, đối chiếu với Hợp đồng của đề tài, Hội đồng thảo luận, trao đổi, nhận xét đánh giá về từng nội dung quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư hướng dẫn đánh giá kết quả đề tài, dự án.

3. Bỏ phiếu và kiểm phiếu đánh giá:

Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban:

- Hai ủy viên:

.....

Hội đồng bỏ phiếu đánh giá kết quả đề tài. Kết quả kiểm phiếu đánh giá kết quả đề tài được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu kèm theo.

4. Kết quả bỏ phiếu đánh giá (đánh dấu \surd vào ô tương ứng): Đạt

Không đạt

5. Về mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản với mức chất lượng và yêu cầu khoa học cần đạt nêu trong Hợp đồng:

a) Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,....:

b) Về mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng:

c) Về mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với mức đã đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng:

6. Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (yêu cầu đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô gíc):

7. Trường hợp đề tài được đánh giá ở mức “Không đạt”, những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp so với Hợp đồng:

8. Ý kiến của Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết: (bắt buộc)

9. Hội đồng kiến nghị cơ quan chủ trì đề tài:

(đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)

a) Trường hợp đề tài được xếp loại “Đạt”:

- Đủ điều kiện đánh giá kết quả đề tài ở cấp nhà nước
- Xem xét, ghi nhận, hoàn thiện hồ sơ

Kiến nghị khác (nếu có):

b) Trường hợp đề tài xếp loại “Không đạt”:

- Đề nghị gia hạn thời gian thực hiện
- Đề nghị không gia hạn thời gian thực hiện

Kiến nghị khác (nếu có):

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục biên bản Hội đồng đánh giá cấp cơ sở
CHI TIẾT Ý KIẾN
CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 1-9

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ - DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN) HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:

.....

.....

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (tên chương trình, mã số):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án, mã số):

- Độc lập cấp nhà nước (lĩnh vực KHCN):

2. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá số:...../QĐ..... ngày .../... /200...
của

3. Địa điểm họp Hội đồng:

Thời gian họp Hội đồng: Từ....., ngày .../... /200... đến, ngày .../... /200....

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

03601771

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

Đại diện Bộ KH&CN:

Đại diện Ban chủ nhiệm CT KH&CN:

Đại diện Văn phòng các chương trình:

Đại diện cơ quan chủ quản:

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đánh giá cơ sở nghe các ủy viên phản biện đọc phiếu nhận xét đánh giá cơ sở kết quả dự án.

Thư ký Hội đồng đọc phiếu nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá:

Căn cứ hồ sơ đánh giá cấp cơ sở và các kết quả đã đạt được của dự án, căn cứ Quy định đánh giá nghiệm thu, đối chiếu với Hợp đồng của dự án, Hội đồng thảo luận, trao đổi, nhận xét đánh giá về từng nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư hướng dẫn đánh giá kết quả đề tài, dự án;

3. Bỏ phiếu và kiểm phiếu đánh giá

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban:.....

- Hai ủy viên:.....

.....

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá kết quả dự án. Kết quả kiểm phiếu đánh giá kết quả dự án được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu kèm theo.

4. Kết quả bỏ phiếu đánh giá (đánh dấu \surd vào ô tương ứng): Đạt

Không đạt

5. Về mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản với mức chất lượng và yêu cầu khoa học cần đạt nêu trong Hợp đồng:

a) Tổ chức triển khai dự án (cách thức thực hiện, sử dụng nhân lực, tài chính, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu ...):

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm tại Mục 17, Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng:

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất:

6. Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (yêu cầu đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô gíc):

7. Trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”, đề tài có những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp so với Hợp đồng:

8. Ý kiến của Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết: (bắt buộc)

9. Hội đồng kiến nghị cơ quan chủ trì dự án: (đánh dấu \surd vào ô tương ứng)

a) Trường hợp dự án được xếp loại “Đạt”:

- Đủ điều kiện đánh giá kết quả dự án ở cấp nhà nước
- Xem xét, ghi nhận, hoàn thiện hồ sơ

Kiến nghị khác (nếu có):

b) Trường hợp dự án xếp loại “*Không đạt*”:

- Đề nghị gia hạn thời gian thực hiện
- Đề nghị không gia hạn thời gian thực hiện

Kiến nghị khác (nếu có):

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá
CHI TIẾT Ý KIẾN
CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 1-10

BÁO CÁO HOÀN THIỆN HỒ SƠ CẤP CƠ SỞ

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN
HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề tài/dự án:

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (tên chương trình, mã số):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án, mã số):

- Độc lập cấp nhà nước (lĩnh vực KHCN):

2. Chủ nhiệm đề tài/dự án:

3. Cơ quan chủ trì đề tài/dự án:

4. Chủ tịch hội đồng đánh giá (ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):

09601771

5. Thời gian đánh giá: Bắt đầu: ngày ... /... /200...
Kết thúc: ngày ... /... /200...

II. NỘI DUNG ĐÃ THỰC HIỆN THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG CẤP CƠ SỞ:

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện (*liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở*)

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do)

III. KIẾN NGHỊ CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI/DỰ ÁN (nếu có):

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 2-1

MẪU ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI/DỰ ÁN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm 200...

V/v: Đề nghị đánh giá kết quả
đề tài/dự án ở cấp nhà nước

Kính gửi:..... (tên Tổ chức đánh giá cấp nhà nước)

Căn cứ vào Thông tư số...../TT-BKHCN ngày...../...../2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ và dự án sản xuất thực nghiệm cấp nhà nước,

..... (tên Tổ chức chủ trì đề tài/dự án) đề nghị..... (tên Tổ chức đánh giá cấp nhà nước) xem xét và tổ chức đánh giá cấp nhà nước kết quả thực hiện đối với đề tài/dự án sau đây:

Tên đề tài/dự án:

Mã số:

- Thuộc:
- Chương trình (tên, mã số chương trình):
 - Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):
 - Độc lập (lĩnh vực KHCN):

Hợp đồng KHCN số.....

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ..... đến.....

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:.....

Chủ nhiệm đề tài/dự án:

Đề tài/dự án trên đã được hội đồng đánh giá cơ sở hợp ngày... tháng... năm 200..., xếp loại “Đạt”.

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá cấp nhà nước, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo tóm tắt và sản phẩm KHHCN của đề tài, dự án với số lượng và yêu cầu theo hợp đồng;
2. Báo cáo nhận xét về tổ chức thực hiện của cơ quan chủ trì đề tài, dự án;
3. Hợp đồng và thuyết minh đề tài, dự án kèm theo;
4. Các tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KHHCN của đề tài, dự án do các tổ chức đo lường, thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, báo cáo về kết quả thử nghiệm hoặc ứng dụng các sản phẩm KHHCN của đề tài, dự án, ý kiến nhận xét của người sử dụng;
5. Các Biên bản kiểm tra định kỳ của Ban chủ nhiệm chương trình, cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN;
6. Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của đề tài, dự án;
7. Tài liệu thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị), các số liệu điều tra - khảo sát, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu của đề tài, dự án;
8. Quyết định và biên bản đánh giá của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở;
9. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện đề tài, dự án;
10. Bản báo cáo giải trình các nội dung bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở đã được xác nhận của thủ trưởng cơ quan chủ trì và chủ tịch hội đồng;
11. Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 05 bộ (bản sao) đầy đủ tài liệu kể trên;
- 08 bộ (bản sao) các tài liệu trên trừ tài liệu số 7 (tài liệu thiết kế, số liệu...).

Đề nghị..... (tên Tổ chức đánh giá cấp nhà nước) xem xét và tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước kết quả đề tài/dự án./.

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 2-2

DANH SÁCH TÁC GIẢ THỰC HIỆN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ TÀI/DỰ ÁN) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**DANH SÁCH TÁC GIẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI KHCN/DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

(danh sách những cá nhân đã đóng góp sáng tạo chủ yếu cho đề tài, dự án được sắp xếp theo thứ tự đã thỏa thuận)

1. Tên đề tài, dự án:

Mã số:

Thuộc: - Chương trình *(tên, mã số chương trình)*:
 - Dự án khoa học và công nghệ *(tên dự án)*:
 - Độc lập *(lĩnh vực KHCN)*:

2. Thời gian thực hiện (Bắt đầu - Kết thúc):

3. Tổ chức chủ trì:

4. Cơ quan chủ quản:

5. Tác giả thực hiện đề tài/dự án trên gồm những người có tên trong danh sách sau (ghi không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài/dự án):

Số TT	Chức danh khoa học, học vị, họ và tên	Tổ chức công tác	Chữ ký
1			
2			
3			

Số TT	Chức danh khoa học, học vị, họ và tên	Tổ chức công tác	Chữ ký
4			
5			
6			
7			
8			
9			

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI/DỰ ÁN
(Họ, tên và chữ ký)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI/DỰ ÁN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 2-3

ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP NHÀ NƯỚC) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**ĐÁNH GIÁ VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đề tài/dự án:

Mã số đề tài/dự án:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):

- Độc lập (tên lĩnh vực KHHCN):

2. Chủ nhiệm đề tài/dự án:

3. Tổ chức chủ trì đề tài/dự án:

4. Tổng kinh phí thực hiện: Tr. đ.

Trong đó, Kinh phí từ ngân sách SNKH: Tr. đ.

Kinh phí và tỷ lệ thu hồi (đối với Dự án SXTN): % Tr.đ.

5. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng KHCN:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):

II. ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Tiến độ thực hiện (đánh dấu \surd vào ô tương ứng):

- Thực hiện đúng hạn

(Quy định nộp Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 14 của Thông tư hướng dẫn)

- Thực hiện không đúng hạn

2. Đánh giá tình hình sử dụng và huy động nguồn kinh phí thực hiện

(đánh dấu \surd vào ô tương ứng):

- Đạt yêu cầu

Sử dụng kinh phí đúng mục đích, không vi phạm các nguyên tắc quản lý theo quy định (căn cứ theo báo cáo đề nghị quyết toán)

- Không đạt yêu cầu

Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của Đề tài, Dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền)

3. Xếp loại tổ chức thực hiện (đánh dấu \surd vào ô tương ứng):

• Đạt

(trường hợp khi đạt cả hai nội dung: tiến độ và sử dụng kinh phí).

• Không đạt

(nếu vi phạm, không đạt một trong hai nội dung: tiến độ và sử dụng kinh phí).

4. Nhận xét, kết luận chung:

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC
(Họ tên, chữ ký và dấu)

Ghi chú: Đối với đề tài, dự án thuộc chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước, Ban chủ nhiệm chương trình thực hiện đánh giá trên cơ sở thống nhất với Văn phòng các chương trình.

Phụ lục 2-4

BIÊN NHẬN HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**BIÊN NHẬN HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC
NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHCN/DỰ ÁN SXTN**

1. Thông tin chung về hồ sơ đánh giá cấp nhà nước:

Tên đề tài/dự án:

Mã số đề tài/dự án:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):
- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):
- Độc lập (tên lĩnh vực KHCN):

Chủ nhiệm đề tài/dự án:

Tổ chức chủ trì đề tài/dự án:

2. Thời gian gửi - nhận hồ sơ:

- Thời gian gửi trên đầu bưu điện: ngày ... tháng... năm 200
- Thời gian nhận từ bưu điện, văn thư: ngày ... tháng... năm 200
- Thời gian nhận trực tiếp từ người gửi: ngày ... tháng... năm 200

3. Họ, tên người gửi trực tiếp (nếu có):.....

4. Họ, tên người nhận:.....

chức vụ (trong Tổ chức đánh giá cấp nhà nước):.....

5. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài/dự án đã nhận gồm có (bảng thống kê):

Số TT	Tên tài liệu theo quy định	Số bộ quy định	Số bộ thực tế	Ghi chú
1	Báo cáo nhận xét về tổ chức thực hiện của cơ quan chủ trì đề tài, dự án	13		
2	Hợp đồng và thuyết minh đề tài, dự án kèm theo	13		
3	Báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo tóm tắt và sản phẩm KHHCN của đề tài, dự án	13		
4	Các tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KHHCN của đề tài, dự án...	13		
5	Các biên bản kiểm tra định kỳ của Ban chủ nhiệm chương trình, cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN	13		
6	Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của đề tài, dự án	13		
7	Tài liệu thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị), các số liệu điều tra - khảo sát, sổ nhật ký...	05		
8	Quyết định Hội đồng đánh giá cấp cơ sở và biên bản đánh giá cấp cơ sở	13		
9	Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách thực hiện	13		
10	Báo cáo giải trình các nội dung bổ sung, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng cơ sở đã được xác nhận của thủ trưởng cơ quan chủ trì và chủ tịch hội đồng	13		

09601771

Các tài liệu khác (nếu có):

Nhận xét sơ bộ của người nhận hồ sơ (về tình trạng, hình thức...):

NGƯỜI GỬI (nếu có)
(Họ, tên và chữ ký)

NGƯỜI NHẬN
(thuộc Tổ chức đánh giá cấp nhà nước)
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG BÊN NHẬN
(Họ, tên và chữ ký)

0301771

Phụ lục 2-5

PHIẾU NHẬN XÉT CẤP NHÀ NƯỚC - ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**PHIẾU NHẬN XÉT
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

Ủy viên phản biện:

Ủy viên:

1. Tên đề tài:

Mã số đề tài:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):

- Độc lập:

Chủ nhiệm đề tài:

Tổ chức chủ trì đề tài:

2. Chuyên gia nhận xét:

- Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

- Chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: ngày... tháng... năm 200

3. Nhận xét:

Số TT	Nội dung nhận xét	Điểm tối đa	Điểm dự kiến của chuyên gia
1	<p>Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế.</p> <p><i>(Đạt điểm tối đa khi đảm bảo độ tin cậy, tính đại diện, tính xác thực, hợp lý...)</i></p> <p>Nhận xét:</p>	15	
2	<p>Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm (dạng I, II) đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng.</p> <p><i>(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)</i></p> <p>Nhận xét:</p>	20	
3	<p>Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính (dạng I, II) so với mức chỉ tiêu chất lượng, yêu cầu khoa học cần đạt đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng</p> <p><i>(Đạt điểm tối đa khi chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)</i></p> <p>Nhận xét:</p>	25	

09601771

Số TT	Nội dung nhận xét	Điểm tối đa	Điểm dự kiến của chuyên gia
4	<p>Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...)</p> <p><i>(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lô gíc)</i></p> <p>Nhận xét:</p>	10	
5	<p>Công bố kết quả nghiên cứu (<i>bài báo, ấn phẩm,...</i>) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 bài báo hoặc sách chuyên khảo trong nước (<i>tạp chí, nhà xuất bản có uy tín</i>) - Có 02 bài báo hoặc sách chuyên khảo trong nước trở lên (<i>tạp chí, nhà xuất bản có uy tín</i>) - Có 01 bài báo ngoài nước - Có 02 bài báo ngoài nước trở lên <p>Nhận xét:</p>	<p>6</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>2</p> <p>5</p>	
6	<p>Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ (<i>có văn bản xác nhận của các Cơ quan đào tạo</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đang đào tạo. - Có kết quả đào tạo. <p>Nhận xét:</p>	<p>3</p> <p>1</p> <p>3</p>	

Số TT	Nội dung nhận xét	Điểm tối đa	Điểm dự kiến của chuyên gia
7	<p>Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (<i>có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ</i>) - Có 02 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng trở lên (<i>có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ</i>) - Đã được cấp 01 văn bằng bảo hộ trở lên. <p>Nhận xét:</p>	<p>6</p> <p>1</p> <p>3</p> <p>6</p>	
8	<p>Chất lượng sản phẩm (<i>dạng I</i>), trình độ khoa học của sản phẩm (<i>dạng II</i>) vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ</p> <p>Nhận xét:</p>	5	
9	<p>Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả kinh tế trực tiếp (<i>giá trị làm lợi bằng tiền thông qua ứng dụng thử nghiệm sản phẩm vào sản xuất và đời sống</i>) - Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (<i>tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...</i>) - Mức độ sẵn sàng chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu <p>Nhận xét:</p>	<p>10</p> <p>3</p> <p>4</p> <p>3</p>	
	Cộng	100	

09601774

4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện đề tài:

(trường hợp dự kiến đánh giá ở mức “không đạt”, cần chỉ rõ những nội dung không phù hợp với Hợp đồng)

5. Đóng góp ý kiến của chuyên gia về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc):

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2-6

PHIẾU NHẬN XÉT CẤP NHÀ NƯỚC - DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm 200....

**PHIẾU NHẬN XÉT
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

Ủy viên phản biện:

Ủy viên:

1. Tên dự án SXTN:

Mã số dự án SXTN:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):

- Độc lập:

Chủ nhiệm dự án:

Tổ chức chủ trì dự án:

2. Chuyên gia nhận xét:

- Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

- Chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: ngày... tháng... năm 200

3. Nhận xét:

Số TT	Nội dung nhận xét	Điểm tối đa	Điểm dự kiến của chuyên gia
1	<p>Tổ chức triển khai dự án. <i>(Đạt điểm tối đa khi tổ chức thực hiện và sử dụng hợp lý nhân lực, tài chính, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu...)</i> Nhận xét:</p>	15	
2	<p>Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của Dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm tại Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng. <i>(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)</i> Nhận xét:</p>	25	
3	<p>Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất... <i>(Đạt điểm tối đa khi công nghệ ổn định, chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)</i> Nhận xét:</p>	30	

Số TT	Nội dung nhận xét	Điểm tối đa	Điểm dự kiến của chuyên gia
4	<p>Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) <i>(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lô gíc)</i></p> <p>Nhận xét:</p>	10	
5	<p>Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng <i>(có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ)</i> - Có 02 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trở lên <i>(có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ)</i> - Đã được cấp 01 văn bằng bảo hộ trở lên. <p>Nhận xét:</p>	<p>5</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>5</p>	
6	<p>Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ.</p> <p>Nhận xét:</p>	5	

Số TT	Nội dung nhận xét	Điểm tối đa	Điểm dự kiến của chuyên gia
7	<p>Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm (<i>thông qua số lượng tổ chức, cá nhân ứng dụng thử nghiệm công nghệ thành công, quy mô sản xuất sản phẩm...</i>). - Hiệu quả kinh tế trực tiếp (<i>giảm giá thành, số tiền làm lợi thu được do ứng dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện dự án...</i>). - Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường, quốc phòng, an ninh (<i>tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...</i>) <p>Nhận xét:</p>	<p>10</p> <p>5</p> <p>3</p> <p>2</p>	
	Cộng	100	

4. Nhận xét đánh giá chung về kết quả thực hiện của dự án so với Hợp đồng:

(Trong trường hợp dự kiến kết quả không đạt về nội dung khoa học công nghệ cần chỉ rõ những nội dung không phù hợp với Hợp đồng)

5. Đóng góp của thành viên hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc):

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2-7 A

PHIẾU NHẬN XÉT THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM KHCN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH
GIÁ NGHIỆM THU CẤP
NHÀ NƯỚC
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

PHIẾU NHẬN XÉT, THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM KHCN**ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP NHÀ NƯỚC CỦA CHUYÊN GIA TỔ THẨM ĐỊNH****Tên đề tài/dự án:***Mã số đề tài/dự án:*

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*):- Dự án khoa học và công nghệ (*tên dự án*):- Độc lập (*lĩnh vực KHCN*):

Chủ nhiệm đề tài/dự án:

Tổ chức chủ trì đề tài/dự án:

Chuyên gia tổ thẩm định:- Họ và tên chuyên gia (*chức danh khoa học, học vị*):

Sau khi nghiên cứu toàn bộ sản phẩm của Đề tài (Dự án) và khảo sát hiện trường cùng với các thành viên tổ chuyên gia có một số đánh giá nhận xét sau:

1. Đánh giá nhận xét, thẩm định về tài liệu công nghệ

Nhận xét, đánh giá về tính xác thực của các thông tin trong tài liệu công nghệ, thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử

nghiệm các sản phẩm KHCN của đề tài/dự án được các tổ chức đo đạc có thẩm quyền chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của đề tài/dự án).

Nhận xét:

2. Đánh giá về mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm theo hợp đồng

Số TT	Tên sản phẩm	Theo Hợp đồng	Thực tế thực hiện	Ghi chú (đủ, chưa đủ...)
1				
2				
3				
...				

09601771

LawSofit * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Nhận xét:

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của chủng loại, số lượng, khối lượng các sản phẩm dạng I, II theo đăng ký...)

3. Đánh giá mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với Hợp đồng:

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị đo	Theo Hợp đồng	Đã thực hiện	Ghi chú (đạt/chưa đạt...)
1	Sản phẩm 1				
	- Chỉ tiêu 1	...			
	- Chỉ tiêu 2	...			
	...				

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị đo	Theo Hợp đồng	Đã thực hiện	Ghi chú (đạt/chưa đạt...)
2	Sản phẩm 2				
...					

Nhận xét:

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt...)

4. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của đề tài/dự án:

(nêu đánh giá chung, nhận xét về tính hình ứng dụng các kết quả của đề tài, dự án...)

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2-7 B

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM KHCN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM KHCN
CỦA ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đề tài/dự án:

Mã số đề tài/dự án:

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*):

- Dự án khoa học và công nghệ (*tên dự án*):

- Độc lập:

2. Chủ nhiệm đề tài/dự án:

3. Tổ chức chủ trì đề tài/dự án:

4. Tổng kinh phí thực hiện: Tr. đ.

Trong đó, Kinh phí từ ngân sách SNKH: Tr. đ.

Kinh phí và tỷ lệ thu hồi (*đối với Dự án SXTN*): % Tr.đ.

5. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng KHCN:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):

6. Thời gian tiến hành thẩm định: *ngày... tháng... năm 200.....*

II. Nội dung kiểm tra, thẩm định:

1. Kiểm tra, thẩm định chi tiết các sản phẩm của đề tài/dự án và tài liệu có liên quan đến sản phẩm của đề tài/dự án: *mẫu sản phẩm; tài liệu thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KHCN của đề tài/dự án được các tổ chức đo đạc có thẩm quyền chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của đề tài/dự án*) gồm:

- Sản phẩm A....

-

-

2. Khảo sát tại hiện trường, đo đạc lại các thông số kỹ thuật của sản phẩm KHCN (*Mẫu sản phẩm; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; mô hình thử nghiệm... nếu có*), gồm:

Sản phẩm 1:

- Tên sản phẩm:

- Địa điểm:

- Thời gian:

- Các chỉ tiêu khảo sát, đo đạc lại (*liệt kê các chỉ tiêu khảo sát, đo đạc lại*):

.....

- Kết quả (*ghi kết quả khảo sát đo đạc, so sánh*):

.....

Sản phẩm 2

.....

3. Nhận xét, đánh giá:

3.1. Mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm:

Số TT	Tên sản phẩm	Theo Hợp đồng	Thực tế thực hiện	Nhận xét (đủ, chưa đủ...)
1				
2				
3				
...				

Nhận xét chung:

3.2. Mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với Hợp đồng:

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị đo	Theo Hợp đồng	Đã thực hiện	Nhận xét (đạt/chưa đạt...)
1	Sản phẩm 1				
	- Chỉ tiêu 1	...			
	- Chỉ tiêu 2	...			
	...				
2	Sản phẩm 2				
...					

Nhận xét chung:

(về mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt...)

3.3. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của đề tài/dự án:

(nêu đánh giá chung, nhận xét về tính hình ứng dụng các kết quả của đề tài, dự án...)

CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA
(Họ, tên và chữ ký từng thành viên)

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2-8

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC - ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

1. Tên đề tài:

Mã số đề tài:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):

- Độc lập:

Chủ nhiệm đề tài:

Tổ chức chủ trì đề tài:

2. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

- Chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: ngày.... tháng.... năm 200

3. Đánh giá:

Số TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
1	Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế. <i>(Đạt điểm tối đa khi đảm bảo độ tin cậy, tính đại diện, tính xác thực, hợp lý...)</i>	15	
2	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so với sản phẩm (dạng I, II) đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng. <i>(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)</i>	20	
3	Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính (dạng I, II) so với mức đã đăng ký tại mục 22 của Thuyết minh và Hợp đồng <i>(Đạt điểm tối đa khi chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)</i>	25	
4	Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và Tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) <i>(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và logic)</i>	10	
5	Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước	6	
	- Có 01 bài báo hoặc sách chuyên khảo trong nước (tạp chí, nhà xuất bản có uy tín)	1	
	- Có 02 bài báo hoặc sách chuyên khảo trong nước trở lên (tạp chí, nhà xuất bản có uy tín)	2	
	- Có 01 bài báo ngoài nước	2	
	- Có 02 bài báo ngoài nước trở lên	5	

09601771

Số TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
6	Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ (<i>có văn bản xác nhận của các Cơ quan đào tạo</i>) - Đang đào tạo. - Có kết quả đào tạo.	3	
		1	
		3	
7	Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Có 01 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (<i>có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ</i>) - Có 02 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng trở lên (<i>có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ</i>) - Đã được cấp 01 văn bằng bảo hộ trở lên.	6	
		1	
		3	
8	Chất lượng sản phẩm (<i>dạng I</i>), trình độ khoa học của sản phẩm (<i>dạng II</i>) vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ.	5	
9	Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường - Mức độ sẵn sàng chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu (<i>thông qua số lượng tổ chức, cá nhân cam kết nhận chuyển giao công nghệ, ứng dụng sản phẩm...</i>). - Hiệu quả kinh tế trực tiếp (<i>giá trị làm lợi bằng tiền thông qua ứng dụng thử nghiệm sản phẩm vào sản xuất, đời sống</i>) - Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (<i>tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...</i>)	10	
		5	
		3	
		2	
Cộng		100	

09301771

4. Xếp loại đề tài (đánh dấu \surd vào ô tương ứng phù hợp):**• Xuất sắc:**

Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);
- Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;
- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

• Khá:

Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 02 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia
- Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).

• Trung bình:

Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm trong đó, tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.

• Không đạt:

Khi có tổng số điểm đạt dưới 60 điểm;
hoặc khi có tổng số điểm của nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm.

5. Ý kiến đánh giá khác (nếu có):

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục 2-9

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC - DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

1. Tên dự án SXTN:

Mã số dự án SXTN:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):

- Độc lập:

Chủ nhiệm dự án:

Tổ chức chủ trì dự án:

2. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

- Chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: ngày... tháng... năm 200

3. Đánh giá:

Số TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
1	Tổ chức triển khai dự án. <i>(Đạt điểm tối đa khi tổ chức thực hiện và sử dụng hợp lý nhân lực, tài chính, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu...)</i>	15	
2	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm KHCN chính của Dự án so với sản phẩm đăng ký tại Mục 17, Phụ lục 9 của thuyết minh dự án và Hợp đồng. <i>(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)</i>	25	
3	Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất... <i>(Đạt điểm tối đa khi công nghệ ổn định, chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng).</i>	30	
4	Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) <i>(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lô gíc)</i>	10	
5	Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng. - Có 01 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng <i>(có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ)</i> - Có 02 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trở lên <i>(có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ)</i> - Đã được cấp 01 văn bằng bảo hộ trở lên.	5 1 2 5	
6	Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ.	5	

Số TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
7	Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường - Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm (<i>thông qua số lượng tổ chức, cá nhân ứng dụng thử nghiệm công nghệ thành công, quy mô sản xuất sản phẩm...</i>) - Hiệu quả kinh tế trực tiếp (<i>giảm giá thành, số tiền làm lợi thu được do ứng dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện dự án...</i>) - Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường, quốc phòng, an ninh (<i>tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...</i>)	10 5 3 2	
	Cộng	100	

4. Xếp loại dự án (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng phù hợp):

- **Xuất sắc:**

Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt 70 điểm.

- **Khá:**

Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên.

- **Trung bình:**

Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên.

- **Không đạt:**

Khi có tổng số điểm đạt dưới 65 điểm

hoặc khi có tổng số điểm của các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 đạt dưới 60 điểm.

5. Ý kiến đánh giá khác (nếu có):

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

09601771

KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC - ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009

của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**KIỂM PHIẾU CHẤM ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

Tên đề tài:

Họ và tên	Họ và tên thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng										Điểm trung bình của các thành viên Hội đồng
Điểm các nội dung 1, 2, 3											
Điểm nội dung từ 4 đến 9											
Cộng											

Xếp loại Đề tài (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Đạt:
- Mức Xuất sắc:
- Mức Khá:
- Mức Trung Bình:
- Không đạt:

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

(Họ, tên và chữ ký)

KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC - DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009

của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

KIỂM PHIẾU CHẤM ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Tên dự án:

.....

Họ và tên	Họ và tên thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng										Điểm trung bình của các thành viên Hội đồng
Điểm các nội dung 1, 2, 3											
Điểm nội dung từ 4 đến 7											
Cộng											

Xếp loại dự án (đánh dấu \surd vào ô tương ứng):

- **Đạt:**
- Mức Xuất sắc:
- Mức Khá:
- Mức Trung Bình:
- **Không đạt:**

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2-12

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC - ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề tài:

Mã số đề tài:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):

- Độc lập:

Chủ nhiệm đề tài:

Tổ chức chủ trì đề tài:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có)

Số: /QĐ-BKHCN ngày của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trụ bị: tại..... ngày... tháng... năm 200...

Phiên đánh giá: tại..... ngày... tháng... năm 200...

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (*đối với phiên họp đánh giá*)

TT	Đơn vị công tác	Họ và tên
1	Đại diện Bộ KH&CN	
2	Đại diện Ban chủ nhiệm CT KH&CN	
3	Văn phòng các Chương trình	
4	Cơ quan chủ quản	

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

A. Phiên họp trừ bị (để lại những nội dung thích hợp)

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của đề tài;

2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài;

3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Đã kiến nghị Bộ KH&CN tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả đề tài;

b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đặc kiểm định lại đối với đề tài có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ KH&CN mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đặc kiểm định lại:

- Các tổ chức đo lường thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thông nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của ủy viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan nêu tại Điều 13 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá đề tài của các ủy viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của đề tài theo từng nội dung được nêu tại Điều 18 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đã thực hiện đánh giá kết quả của đề tài bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá:

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban:

- Hai ủy viên:

.....

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

a) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế:

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính:

c) Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính:

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...):

đ) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước:

e) Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ:

g) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

h) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

i) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại đề tài ở mức sau (đánh dấu \surd vào ô tương ứng):

• **Xuất sắc:**

Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);
- Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;
- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

• **Khá:**

Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:

- Có ít nhất 02 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia
- Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).

• Trung bình:

Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm trong đó, tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.

• Không đạt:

Khi có tổng số điểm đạt dưới 60 điểm; hoặc khi có tổng số điểm của nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm.

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của đề tài (*chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”*):

7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả đánh giá đề tài.
- Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

**CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC**

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2-13

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC - DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án SXTN:

Mã số dự án SXTN:

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):
- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án):
- Độc lập:

Chủ nhiệm đề tài:

Tổ chức chủ trì đề tài:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có)

Số: /QĐ-BKHCN ngày của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trừ bị: tại..... ngày... tháng... năm 200...

Phiên đánh giá: tại..... ngày... tháng... năm 200...

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)

TT	Đơn vị công tác	Họ và tên
1	Đại diện Bộ KH&CN	
2	Đại diện Ban chủ nhiệm CT KH&CN	
3	Văn phòng các Chương trình	
4	Cơ quan chủ quản	

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG**A. Phiên họp trừ bị (để lại những nội dung thích hợp)**

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm dự án trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của dự án;

2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm dự án;

3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Đã kiến nghị Bộ KH&CN tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả dự án.

b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với dự án có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ KH&CN mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đạc, kiểm định lại:

- Các tổ chức đo lường, thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của ủy viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan nêu tại Điều 13 của Thông tư đánh giá; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiếu nhận xét của các ủy viên phản biện; trao đổi, thảo luận, nhận định về các kết quả của dự án theo từng nội dung được quy định tại Điều 19 của Thông tư hướng dẫn; Hội đồng đã đánh giá kết quả của dự án bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban:
- Hai ủy viên:
-

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá kết quả dự án. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá

a) Tổ chức triển khai thực hiện dự án:

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm nêu tại Mục 17, Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng:

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất...:

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...):

đ) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

e) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng và có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

g) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại dự án ở mức sau (đánh dấu \surd vào ô tương ứng):

- **Xuất sắc:**
Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt 70 điểm.
- **Khá:**
Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên.
- **Trung bình:**
Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên.
- **Không đạt:**
Khi có tổng số điểm đạt dưới 65 điểm hoặc khi có tổng số điểm của các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 đạt dưới 60 điểm.

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của dự án (chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”):

7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả đánh giá dự án.
- Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị sử dụng kết quả dự án vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

**CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC**

09601771

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2-14

BÁO CÁO HOÀN THIỆN HỒ SƠ CẤP NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc)

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN
HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề tài/dự án:

.....

Mã số:

Thuộc:

- Chương trình (tên chương trình, mã số):

- Dự án khoa học và công nghệ (tên dự án, mã số):

- Độc lập:

2. Chủ nhiệm đề tài/dự án:

3. Cơ quan chủ trì đề tài/dự án:

4. Chủ tịch hội đồng đánh giá (ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):

.....

.....

5. Thời gian đánh giá: Bắt đầu: ngày ... /... /200...

Kết thúc: ngày ... /... /200...

II. NỘI DUNG ĐÃ THỰC HIỆN THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG CẤP NHÀ NƯỚC:

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện (*liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp nhà nước*)

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

III. KIẾN NGHỊ CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI/DỰ ÁN (nếu có):

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 2-15**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**
(hoặc cơ quan chủ quản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200...

QUYẾT ĐỊNH

**về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học công nghệ/dự án
sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước**

BỘ TRƯỞNG**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(hoặc Thủ trưởng cơ quan chủ quản)

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ *(hoặc cơ quan chủ quản)*;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ/dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước được thành lập kèm theo Quyết định số...../QĐ-BKHCN ngày... tháng... năm 200... của Bộ trưởng Bộ KH&CN *(hoặc Thủ trưởng cơ quan chủ quản)*;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật/Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Vụ Kế hoạch - Tài chính... *(hoặc các đơn vị chức năng thuộc cơ quan chủ quản)*,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học công nghệ/dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.....

Chủ nhiệm đề tài/dự án:

Cơ quan chủ trì:

Xếp loại về nội dung khoa học công nghệ:

Xếp loại về Tổ chức thực hiện:

Điều 2. (để lại nội dung thích hợp)

Đề tài/dự án được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của đề tài/dự án và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của đề tài/dự án được thực hiện theo các quy định hiện hành (đối với đề tài được kết luận ở mức đạt).

Đề tài/dự án được thực hiện việc quyết toán và thanh lý Hợp đồng sau khi Bộ KH&CN/cơ quan chủ quản xác định số kinh phí được quyết toán của đề tài/dự án; đồng thời, các sản phẩm của đề tài/dự án và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. (đối với đề tài/dự án được kết luận ở mức không đạt)

Điều 3. Các Ông (... Thủ trưởng các đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản liên quan)*, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ/cơ quan chủ quản và Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài/dự án và các Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT,....

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

* Bộ KH&CN: Các Vụ chuyên ngành; Vụ KH-TC, Văn phòng các Chương trình
Cơ quan chủ quản: các đơn vị chức năng được giao.